

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả thi và công nhận đạt chuẩn đầu ra tin học
kỳ thi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 13/7/2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 31/NĐ-CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông về việc quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1096/QĐ-ĐT ngày 22/8/2017 của Trường Đại học Nông Lâm về việc ban hành chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học Quy định miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần tiếng Anh đối với sinh viên hệ chính quy trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ quyết định số 558/QĐ-ĐHNL-NNTH ngày 12/7/2021 của Trường ĐHNH về việc Tổ chức thi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 13/7/2021;

Căn cứ quyết định số 559/QĐ-ĐHNL-NNTH ngày 12/7/2021 của trường ĐHNH về việc Thành lập Hội đồng thi và các ban chức năng kỳ thi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 13/7/2021;

Căn cứ Báo cáo của Hội đồng thi về kết quả thi;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi và công nhận đạt chuẩn đầu ra tin học kỳ thi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 13/7/2021, Đối tượng sinh viên Trường Đại học Nông Lâm (có danh sách thi sinh và kết quả kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, Hội đồng thi và các thí sinh ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (T/h);
- BGH (B/c);
- Lưu: VT, NNTH.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Trần Văn Điền

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngày thi 13/7/2021 - Đối tượng Sinh viên - Địa điểm thi: Trục tuyển, Phòng máy tính, Trường Đại học Nông Lâm
(Kèm theo Quyết định số 585/QĐ-ĐHNL-NNTH ngày 15/7/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL)

TT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CDR tin học	Ghi chú
									LT	TH		
1	DTN1653040075	Bùi Tuấn	Anh	08/09/1998	Nam	Kinh	Bắc Giang	CNTY48N03	0	0	Không đạt	Vắng
2	DTN18LT3170001	Vũ Văn	Chiến	11/02/1988	Nam	Kinh	Yên Bái	LT-CNTP 50	6,8	7,5	Đạt	
3	DTN1754110039	Giàng Mí	Dinh	15/09/1998	Nam	H'Mông	Hà Giang	CNTY49N01	0	0	Không đạt	Máy không kết nối mạng, Hoàn thi
4	DTN1753040105	Mai Tiến	Dũng	14/06/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTY49N01	5,6	5,25	Đạt	
5	DTN1753050099	Nguyễn Tiến	Dũng	26/09/1999	Nam	Kinh	Phú Thọ	CNTY49(POHE)	6,8	5,75	Đạt	
6	DTN1753040021	Dương Khương	Duy	02/05/1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTY49N01	6,4	8,75	Đạt	
7	DTN1754110042	Dương Tất	Đạt	10/01/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	KTNN49	6,4	7,75	Đạt	
8	DTN1654120082	Trần Văn	Hải	08/07/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	QLDD48N02	2,7	5	Không đạt	LT 5,4đ trừ 50% điểm Có người nhắc bài
9	DTN1653040133	Đoàn Thu	Hằng	03/06/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY48N04	7	6,75	Đạt	
10	DTN1754060001	Lê Thúy	Hằng	24/09/1999	Nữ	Kinh	Sơn La	KHMT49	7	6,75	Đạt	
11	DTN1453050050	Nguyễn Thu	Hằng	22/07/1996	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	TY47N04	7,6	6,5	Đạt	
12	DTN1753040071	Đào Minh	Hiếu	06/02/1999	Nam	Kinh	Nam Định	CNTY49N01	6,2	6,5	Đạt	
13	DTN1754140008	Hoàng Minh	Hiếu	22/12/1999	Nam	Tày	Cao Bằng	KTNN49	6,8	6	Đạt	
14	DTN1453080025	Phạm Trung	Hiếu	07/06/1996	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KNK46	6,6	7	Đạt	

(Chữ ký)

10/2/2021

TT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CDR tin học	Ghi chú
									LT	TH		
15	DTN1653050127	Tạ Khắc	Hiếu	27/12/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TY48N05	6	9	Đạt	
16	DTN1653050457	Trần Trọng	Hiếu	15/06/1998	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	TY48N02	5,8	5,25	Đạt	
17	DTN1653050380	Phạm Thị	Hoa	07/02/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY48N05	0	5	Không đạt	Máy tính bị out ra ngoài, Hoàn thi
18	DTN1753040037	Vũ Thị	Hoài	28/02/1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNTY49N01	6,2	5	Đạt	
19	DTN1753050166	Lý Tuấn	Hồ	07/09/1999	Nam	Nùng	Thái Nguyên	CNTY49(POHE)	5,8	8,75	Đạt	Thiếu file ghi hình phần TH lưu bị lỗi
20	DTN1753040062	Đỗ Thị	Huế	23/02/1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNTY49N01	5,2	6,75	Đạt	
21	DTN1553110018	Nông Thị	Huệ	16/09/1996	Nữ	Nùng	Cao Bằng	TT47POHEN02	6,6	2,75	Không đạt	
22	DTN1753040003	Nguyễn Quang	Huy	08/05/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	CNTY49N01	6,6	7,5	Đạt	
23	DTN1674120004	Nguyễn Thị	Huyền	14/12/1993	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	VB2QLDD48	0	0	Không đạt	Vắng
24	DTN1753040001	Bùi Thị	Hương	27/11/1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNTY49N01	5,2	5,5	Đạt	
25	DTN1753150010	Trần Thị Thục	Linh	26/08/1999	Nữ	Kinh	Nghệ An	CNSH49	7,2	8	Đạt	
26	DTN1758510001	Đặng Hiền	Lương	14/08/1999	Nữ	Dao	Lào Cai	CNTY49N01	7,4	6	Đạt	
27	DTN1753040063	Giảng Thị	Quỳnh	28/07/1999	Nữ	Tày	Hà Giang	CNTY49N01	6,2	5,5	Đạt	
28	DTN1753040075	Bùi Thị	Sáu	09/11/1999	Nữ	Kinh	Ninh Bình	CNTY49N01	4,6	5	Không đạt	
29	DTN1674120003	Ngô Thị Phương	Thảo	21/11/1989	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	VB2QLDD48	7,4	9,75	Đạt	
30	DTN1753040066	Đỗ Thị Hồng	Thắm	16/08/1999	Nữ	Kinh	Lào Cai	CNTY49N01	6,2	1,75	Không đạt	
31	DTN1658510001	Nguyễn Thị	Thu	15/07/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	QLTNTN&DLST48	7,2	8,5	Đạt	Thiếu file ghi hình phần TH lưu bị lỗi
32	DTN1658510011	Nguyễn Phương	Thùy	12/10/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	QLTNTN&DLST48	6,6	7,75	Đạt	nhập nhầm mã đề TH do cán bộ nhập nhầm tên mã đề thi bốc đề
33	DTN18LT3170002	Nguyễn Thị	Thùy	18/10/1987	Nữ	Kinh	Phú Thọ	LT-CNTP 50	6,8	9,5	Đạt	

TT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CĐR tin học	Ghi chú
									LT	TH		
34	DTN1454120239	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	06/01/1996	Nữ	Kinh	Yên Bái	DCMTK46N02	5,8	8,5	Đạt	
35	DTN1353070188	Lò Hoàng	Tú	06/03/1994	Nam	Thái	Yên Bái	TT45N03	5	5,75	Đạt	
36	DTN1563050001	Đặng Thị Ánh	Tuyết	18/12/1989	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên	LTTY47	6,8	8	Đạt	
37	DTN1653050255	Dương Văn	Vinh	12/07/1998	Nam	Kinh	Nghệ An	TY48N06	0	0	Không đạt	Máy tính bị lỗi, Hoàn thi
38	DTN1753100023	Nojy Si Đà In Thạ	Vòn	01/01/1999	Nam		Thái Nguyên	KHMT49	4,8	7,5	Không đạt	

Ấn định danh sách: 38 sinh viên

Số sinh viên đăng ký dự thi 38

Số sinh viên dự thi phần thi Lý thuyết 33

Số sinh viên dự thi phần thi Thực hành 34

Số sinh viên vắng thi phần thi Lý thuyết 5

(2 vắng không lý do, 3 xin hoãn thi do không đảm bảo máy tính, mạng, đường truyền)

Số sinh viên vắng thi phần thi Thực hành 4

(2 vắng không lý do, 2 xin hoãn thi do không đảm bảo máy tính, mạng, đường truyền, 1 thí sinh thi nộp bài xong bị out ra, không lưu được file quay màn hình xin hoãn thi)

Số sinh viên vi phạm quy chế thi 1

Có người nhắc bài phần thi lý thuyết trừ 50% điểm

Số sinh viên đạt Chuẩn đầu ra Tin học 28

Số sinh viên không đạt Chuẩn đầu ra Tin học 10

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG NHẬN DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TÍN HỌC
KỶ THI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngày thi 13/7/2021 - Đối tượng Sinh viên - Địa điểm thi: Trục tuyển, Phòng máy tính, Trường Đại học Nông Lâm
(Kèm theo Quyết định số 585/QĐ-ĐHNL-NNTH ngày 15/7/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL)

TT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CĐR tin học	Ghi chú
									LT	TH		
1	DTN18LT3170001	Vũ Văn	Chiến	11/02/1988	Nam	Kinh	Yên Bái	LT-CNTP 50	6,8	7,5	Đạt	
2	DTN1753040105	Mai Tiến	Dũng	14/06/1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTY49N01	5,6	5,25	Đạt	
3	DTN1753050099	Nguyễn Tiến	Dũng	26/09/1999	Nam	Kinh	Phú Thọ	CNTY49(POHE)	6,8	5,75	Đạt	
4	DTN1753040021	Dương Khương	Duy	02/05/1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTY49N01	6,4	8,75	Đạt	
5	DTN1754110042	Dương Tất	Đạt	10/01/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	KTNN49	6,4	7,75	Đạt	
6	DTN1653040133	Đoàn Thu	Hằng	03/06/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY48N04	7	6,75	Đạt	
7	DTN1754060001	Lê Thúy	Hằng	24/09/1999	Nữ	Kinh	Sơn La	KHMT49	7	6,75	Đạt	
8	DTN1453050050	Nguyễn Thu	Hằng	22/07/1996	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	TY47N04	7,6	6,5	Đạt	
9	DTN1753040071	Đào Minh	Hiếu	06/02/1999	Nam	Kinh	Nam Định	CNTY49N01	6,2	6,5	Đạt	
10	DTN1754140008	Hoàng Minh	Hiếu	22/12/1999	Nam	Tày	Cao Bằng	KTNN49	6,8	6	Đạt	
11	DTN1453080025	Phạm Trung	Hiếu	07/06/1996	Nam	Kinh	Thái Nguyên	KNK46	6,6	7	Đạt	
12	DTN1653050127	Tạ Khắc	Hiếu	27/12/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TY48N05	6	9	Đạt	
13	DTN1653050457	Trần Trọng	Hiếu	15/06/1998	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	TY48N02	5,8	5,25	Đạt	
14	DTN1753040037	Vũ Thị	Hoài	28/02/1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNTY49N01	6,2	5	Đạt	

TT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CĐR tin học	Ghi chú
									LT	TH		
15	DTN1753050166	Lý Tuấn	Hồ	07/09/1999	Nam	Nùng	Thái Nguyên	CNTY49(POHE)	5,8	8,75	Đạt	
16	DTN1753040062	Đỗ Thị	Huế	23/02/1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNTY49N01	5,2	6,75	Đạt	
17	DTN1753040003	Nguyễn Quang	Huy	08/05/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	CNTY49N01	6,6	7,5	Đạt	
18	DTN1753040001	Bùi Thị	Hương	27/11/1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNTY49N01	5,2	5,5	Đạt	
19	DTN1753150010	Trần Thị Thực	Linh	26/08/1999	Nữ	Kinh	Nghệ An	CNSH49	7,2	8	Đạt	
20	DTN1758510001	Đặng Hiền	Lương	14/08/1999	Nữ	Dao	Lào Cai	CNTY49N01	7,4	6	Đạt	
21	DTN1753040063	Giảng Thị	Quỳnh	28/07/1999	Nữ	Tày	Hà Giang	CNTY49N01	6,2	5,5	Đạt	
22	DTN1674120003	Ngô Thị Phương	Thảo	21/11/1989	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	VB2QLDD48	7,4	9,75	Đạt	
23	DTN1658510001	Nguyễn Thị	Thu	15/07/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	QLTNTN&DLST48	7,2	8,5	Đạt	
24	DTN1658510011	Nguyễn Phương	Thùy	12/10/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	QLTNTN&DLST48	6,6	7,75	Đạt	
25	DTN18LT3170002	Nguyễn Thị	Thùy	18/10/1987	Nữ	Kinh	Phú Thọ	LT-CNTP 50	6,8	9,5	Đạt	
26	DTN1454120239	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	06/01/1996	Nữ	Kinh	Yên Bái	DCMTK46N02	5,8	8,5	Đạt	
27	DTN1353070188	Lò Hoàng	Tú	06/03/1994	Nam	Thái	Yên Bái	TT45N03	5	5,75	Đạt	
28	DTN1563050001	Đặng Thị Ánh	Tuyết	18/12/1989	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên	LTTY47	6,8	8	Đạt	

Ấn định danh sách 28 sinh viên.